TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN DƯƠNG KINH** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 580/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 591/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu Th; nơi cư trú: Số nhà 35 ngõ 113, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C; nơi cư trú: Số nhà 35 ngõ 113, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh C có nhiều sự khác biệt trong quan điểm sống, cách sống và trong sinh hoạt gia đình. Chị và anh C thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Từ đầu năm 2020, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Chị cũng đã nộp đơn ly hôn ra tòa án vào cuối năm 2019, Tòa án đã hòa giải nên chị rút đơn về để đoàn tụ nhưng sau đó vợ chồng vẫn mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 15-10-2011 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 29-6-2014. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu Nguyễn Ngọc Q, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Tr. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức C nhưng anh C không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Th.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị Th và anh C sinh sống, xác minh qua lời khai của mẹ đẻ anh C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng anh C đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Trước khi mở phiên tòa, anh C có đề nghị xét xử vắng mặt, anh đồng ý ly hôn chị Th; về con chung: Anh nhận nuôi con chung là Nguyễn Đức Tr, giao con chung là Nguyễn Ngọc Q cho chị Th nuôi, vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Th được ly hôn anh C. Về con chung:

Chấp nhận đề nghị của chị Th, giao cháu Nguyễn Đức Tr cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Q cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng, chị Th và anh C không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị Thu Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đức C cư trú tại phường T, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị Th và anh C đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo thời gian mở phiên tòa hợp lệ nhưng chị Th và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh C.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Phạm Thị Thu Th và anh Nguyễn Đức C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì mâu thuẫn căng thẳng. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị Th cư trú và qua lời khai của mẹ đẻ anh C đều xác định: Chị Th và anh C xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị Th và anh C ngày càng trầm trọng, không hòa giải được. Hiện tại, chị Th và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị Th làm đơn xin ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung Th, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Chị Phạm Thị Thu Th và anh Nguyễn Đức C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 15-10-2011 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 29-6-2014. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th và anh C đều có đề nghị giao cháu Nguyễn Đức Tr cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Q cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th và anh C đều có việc làm và thu nhập ổn định, cháu Tr cũng có nguyện vọng ở với anh C; đề nghị của chị Th và anh C như trên là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung:

[5] Chị Th và anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Phạm Thị Thu Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị Th và anh C đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 29-6-2014; giao cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 15-10-2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0014347 ngày 06-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu Th và anh Nguyễn Đức C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND phường Tân Thành (ĐKKH số 24/2011);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng